

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ
THÁP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM**
(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC
KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số 45, Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 16

ATC
CÔ
CÔ
N PH
ÁP D
"IE"
TP.1

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") đề trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Văn Huệ	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Sơn	Phó Chủ tịch
Ông Đoàn Quang Vinh	Thành viên
Ông Trần Ngọc Trinh	Thành viên
Ông Cao Khánh Hưng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Ngọc Huy	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

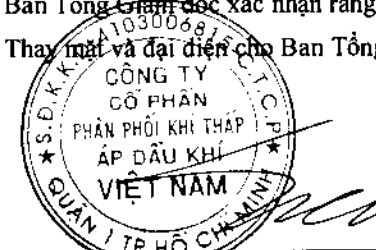
Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Sơn

Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2010

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Số: 160 /Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo cho kỳ năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty"). Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc ở trang 1, Ban Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trong báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Phạm Văn Thịnh

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0028 /KTV

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2010

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Huy Công

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0891/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAMSố 45, Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu B 01 - DN

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008 (Điều chỉnh lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		679.839.033.886	517.106.462.079
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	487.568.688.761	405.774.616.610
1. Tiền	111		472.568.688.761	390.774.616.610
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	15.000.000.000
II. Các khoản phải thu	130		177.481.049.477	103.196.334.220
1. Phải thu khách hàng	131		176.428.715.465	102.448.668.099
2. Trả trước cho người bán	132		987.049.521	273.726.121
3. Các khoản phải thu khác	135		65.284.491	473.940.000
III. Hàng tồn kho	140	7	6.401.828.536	5.001.952.084
1. Hàng tồn kho	141		6.401.828.536	5.001.952.084
IV. Tài sản lưu động khác	150		8.387.467.112	3.133.559.165
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.840.109.332	1.278.232.014
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.724.916.113	1.453.242.352
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		2.382.875.868	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		439.565.799	402.084.799
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		84.975.844.013	110.687.126.349
I. Tài sản cố định	220		73.435.483.740	80.739.932.932
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	72.709.264.493	80.240.057.210
- Nguyên giá	222		98.520.450.758	95.194.976.858
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.811.186.265)	(14.954.919.648)
2. Tài sản cố định vô hình	227		24.303.707	66.155.577
- Nguyên giá	228		125.555.600	125.555.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(101.251.893)	(59.400.023)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		701.915.540	433.720.145
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.360.000.000	3.035.917.660
1. Đầu tư dài hạn khác	258		3.360.000.000	3.360.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(324.082.340)
III. Tài sản dài hạn khác	260		8.180.360.273	26.911.275.757
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	7.361.063.173	22.083.189.349
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	4.008.789.308
3. Tài sản dài hạn khác	268		819.297.100	819.297.100
TỔNG TÀI SẢN	270		764.814.877.899	627.793.588.428

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 16 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số 45, Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu B 01 – DN

Đơn vị tính: Đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008 (Điều chỉnh lại)
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		251.295.094.722	187.837.934.830
I. Nợ ngắn hạn	310		251.211.614.535	187.778.071.739
1. Phải trả cho người bán	312	10	206.849.907.352	100.053.153.240
2. Người mua trả tiền trước	313		83.000.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	7.127.109.255	38.589.691.618
4. Phải trả người lao động	315		5.604.634.769	3.846.382.500
5. Chi phí phải trả	316	12	542.416.016	23.212.971.317
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	31.004.547.143	22.075.873.064
II. Nợ dài hạn	330		83.480.187	59.863.091
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		83.480.187	59.863.091
B. NGUỒN VỐN	400		513.519.783.177	439.955.653.598
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	510.364.931.695	433.154.135.116
1. Vốn điều lệ	411		330.000.000.000	330.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	65.260.004.869
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		22.099.660.111	15.064.218.705
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		600.000.000	3.559.636.629
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		157.665.271.584	19.270.274.913
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		3.154.851.482	6.801.518.482
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		3.154.851.482	6.801.518.482
TỔNG NGUỒN VỐN	440		764.814.877.899	627.793.588.428



Nguyễn Văn Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2010

Nguyễn Phương Thúy
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 16 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số 45, Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

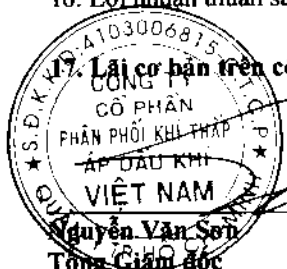
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 02 – DN

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2008	
			2009	(Điều chỉnh lại)
1. Doanh thu bán hàng	01		1.232.141.737.125	893.337.191.200
2. Doanh thu bán hàng thuần	10		1.232.141.737.125	893.337.191.200
3. Giá vốn hàng bán	11		874.704.931.609	525.808.421.885
4. Lợi nhuận gộp bán hàng	20		357.436.805.516	367.528.769.315
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		13.131.592.464	16.174.742.275
6. Chi phí tài chính	22	15	(324.082.340)	326.290.040
7. Chi phí bán hàng	24		118.859.008.521	71.818.778.703
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12.227.673.853	10.439.025.205
9. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		239.805.797.946	301.119.417.642
10. Thu nhập khác	31		12.649.603	29.429.551
11. Chi phí khác	32		24.103.496	499.427.534
12. Lợi nhuận từ hoạt động khác	40		(11.453.893)	(469.997.983)
13. Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		239.794.344.053	300.649.419.659
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	16	37.989.170.901	81.767.881.960
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	16	4.008.789.308	(4.008.789.308)
16. Lợi nhuận thuần sau thuế	60		197.796.383.844	222.890.327.007
17. Lợi cơ bản trên cổ phiếu	70	17	5.994	6.754



Nguyễn Văn Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2010

Nguyễn Phương Thúy
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 16 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số 45, Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 03 – DN

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	2009	2008
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	239.794.344.053	300.649.419.659
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	10.898.118.487	10.175.849.195
Các khoản dự phòng	03	(324.082.340)	324.082.340
Lãi tiền gửi ngân hàng	05	(13.131.592.464)	(16.174.742.275)
3. Lưu chuyển tiền thuần trước thay đổi vốn lưu động	08	237.236.787.736	294.974.608.919
Tăng các khoản phải thu	09	(74.659.338.545)	(40.192.511.894)
Tăng hàng tồn kho	10	(1.399.876.452)	(819.309.731)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	87.129.939.737	(174.685.512.475)
Giảm chi phí trả trước và tài sản ngắn hạn khác	12	9.468.218.229	15.005.972.144
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(70.732.340.746)	(73.063.457.892)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(7.115.254.265)	(3.366.327.384)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	179.928.135.694	17.853.461.687
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(3.593.669.295)	(4.011.257.401)
2. Góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(3.360.000.000)
3. Thu lãi tiền gửi ngân hàng	27	13.506.215.752	16.174.742.275
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	9.912.546.457	8.803.484.874
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(108.046.610.000)	(153.186.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(108.046.610.000)	(153.186.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	81.794.072.151	(126.529.053.439)
Tiền và tương đương tiền tồn đầu năm	60	405.774.616.610	532.303.670.049
Tiền và tương đương tiền tồn cuối năm	70	487.568.688.761	405.774.616.610



Nguyễn Văn Sơn

Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2010

Nguyễn Phương Thủy

Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 16 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số 45, Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty được thành lập tại Việt Nam theo dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103006815 ngày 23 tháng 5 năm 2007. Ngày 23 tháng 10 năm 2009, Công ty đã đăng ký thay đổi Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 4 số 0304998686 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 330 tỷ đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 145 người (năm 2008 là 126 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm kinh doanh và vận chuyển khí thấp áp bằng đường ống; mua bán khí công nghiệp (không mua bán gas tại thành phố Hồ Chí Minh), vật tư, máy móc, thiết bị hóa chất và phương tiện vận chuyển ngành dầu khí; tư vấn chuyển giao công nghệ; xây dựng công trình công nghiệp, hệ thống đường ống, kho bãi, trạm chiết phục vụ ngành dầu khí; mua bán, vận chuyển xăng, dầu nhớt, các sản phẩm khí khô, kinh doanh LPG, CNG, LNG và các sản phẩm có nguồn gốc từ dầu, khí (không mua bán gas tại trụ sở công ty); cung cấp dịch vụ hoán cải phương tiện vận tải (trừ gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở công ty; không thiết kế phương tiện vận tải); mua bán, lắp đặt, sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị chuyển đổi sử dụng cho phương tiện giao thông vận tải và máy móc - thiết bị ngành nông - lâm - ngư nghiệp; mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất; kinh doanh bất động sản; thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khai thác khoáng sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC VÀ HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán theo quy định tại Thông tư này có sự khác biệt so với chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái. Theo hướng dẫn tại Thông tư này, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.



06
TY
TÂN
KHÍ T
KH
NAM
CH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định áp dụng các quy định của Thông tư số 201/2009/TT-BTC, tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng, việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư này không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính năm nay và năm trước của Công ty so với việc áp dụng VAS 10.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên và các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

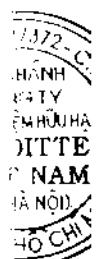
Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất, khi giá trị ghi sổ của chúng cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số năm

Nhà cửa vật kiến trúc	5 - 6
Máy móc thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	6
Thiết bị văn phòng	3 - 6



1372-C
HÀNH
CÔNG TY
PHÂN PHỐI KHÍ
DẦU KHÍ
VIỆT NAM
HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số 45, Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Các khoản đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn được phản ánh theo giá vốn trừ các khoản dự phòng giảm giá.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hóa được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Công ty có nghĩa vụ phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 25% trên tổng lợi nhuận thu được. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang) và cũng không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số 45, Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***5. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ**

Theo biên bản thỏa thuận giữa Công ty và Tổng Công ty Khí Việt Nam ngày 1 tháng 12 năm 2008, tùy thuộc vào sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty, giá trị công trình “Hệ thống phân phối khí thấp áp giai đoạn 2” sẽ được ghi nhận là phần vốn góp của Tổng Công ty Khí Việt Nam vào Công ty. Công ty đã tạm ghi tăng tài sản cố định với số tiền 141.202.327.060 đồng và tính khấu hao từ ngày 14 tháng 8 năm 2008. Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty số 01/NQ-ĐHCD/09 ngày 19 tháng 5 năm 2009, Công ty sẽ mua công trình này từ Tổng Công ty Khí Việt Nam. Thời gian từ ngày đưa công trình vào sử dụng đến thời điểm hoàn thành thủ tục mua bán được coi là thời gian thuê tài sản. Do vậy, Ban Giám đốc quyết định điều chỉnh hồi tố nghiệp vụ tạm ghi nhận tài sản trên và ghi nhận chi phí thuế tài sản với số tiền 22.907.367.475 đồng (trong đó số đã ghi nhận là 5.377.294.099 đồng, điều chỉnh bổ sung 17.530.073.376 đồng). Do ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố, lợi nhuận sau thuế năm 2008 của Công ty giảm đi với số tiền 14.734.463.514 đồng và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tăng lên với số tiền 1.213.179.445 đồng. Ảnh hưởng chi tiết của việc điều chỉnh hồi tố đến các chỉ tiêu của báo cáo tài chính năm 2008 của Công ty như sau:

Các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán

	31/12/2008 (Trước điều chỉnh) VNĐ	31/12/2008 (Điều chỉnh lại) VNĐ	Chênh lệch VNĐ
Tài sản cố định hữu hình	216.065.090.171	80.240.057.210	135.825.032.961
- Nguyên giá	236.397.303.918	95.194.976.858	141.202.327.060
- Giá trị hao mòn lũy kế	(20.332.213.747)	(14.954.919.648)	(5.377.294.099)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	4.008.789.308	(4.008.789.308)
Tài sản	216.065.090.171	84.248.846.518	131.816.243.653
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	37.376.512.173	38.589.691.619	(1.213.179.446)
Chi phí phải trả	305.603.842	23.212.971.317	(22.907.367.475)
Các khoản phải trả, phải nộp khác	163.278.200.124	22.075.873.064	141.202.327.060
Lợi nhuận chưa phân phối	34.004.738.427	19.270.274.913	14.734.463.514
Nguồn vốn	234.965.054.566	103.148.810.913	131.816.243.653

Các chỉ tiêu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2008 (Trước điều chỉnh) VNĐ	2008 (Điều chỉnh lại) VNĐ	Chênh lệch VNĐ
Chi phí bán hàng	54.288.705.327	71.818.778.703	(17.530.073.376)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	318.649.491.018	301.119.417.642	17.530.073.376
Lợi nhuận kế toán trước thuế	318.179.493.035	300.649.419.659	17.530.073.376
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	80.554.702.515	81.767.881.960	(1.213.179.445)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	(4.008.789.308)	4.008.789.308
Lợi nhuận thuần sau thuế	237.624.790.521	222.890.327.007	14.734.463.514
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.201	6.754	446

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THÁP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số 45, Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2009	31/12/2008
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	361.921.293	610.692.980
Tiền gửi ngân hàng	472.206.767.468	390.163.923.630
Các khoản tương đương tiền	15.000.000.000	15.000.000.000
	<u>487.568.688.761</u>	<u>405.774.616.610</u>

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2009	31/12/2008
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	5.999.017.616	4.745.109.090
Công cụ, dụng cụ	402.810.920	256.842.994
	<u>6.401.828.536</u>	<u>5.001.952.084</u>

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc <u>VND</u>	Máy móc và thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải <u>VND</u>	Thiết bị văn phòng <u>VND</u>	Tổng cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2009	1.386.200.083	228.283.702.071	4.749.388.937	1.978.012.827	236.397.303.918
Điều chỉnh (thuyết minh số 5)	-	(141.202.327.060)	-	-	(141.202.327.060)
Tại ngày 1/1/2009 (sau điều chỉnh)	1.386.200.083	87.081.375.011	4.749.388.937	1.978.012.827	95.194.976.858
Mua sắm mới	1.473.267.525	363.934.214	555.751.208	932.520.953	3.325.473.900
Tại ngày 31/12/2009	<u>2.859.467.608</u>	<u>87.445.309.225</u>	<u>5.305.140.145</u>	<u>2.910.533.780</u>	<u>98.520.450.758</u>
HAO MÔN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2009	182.628.596	18.611.290.374	880.807.724	657.487.053	20.332.213.747
Điều chỉnh (thuyết minh số 5)	-	(5.377.294.099)	-	-	(5.377.294.099)
Tại ngày 1/1/2009 (sau điều chỉnh)	182.628.596	13.233.996.275	880.807.724	657.487.053	14.954.919.648
Trích khấu hao	319.554.247	8.918.857.568	866.447.769	751.407.033	10.856.266.617
Tại ngày 31/12/2009	<u>502.182.843</u>	<u>22.152.853.843</u>	<u>1.747.255.493</u>	<u>1.408.894.086</u>	<u>25.811.186.265</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2009	<u>2.357.284.765</u>	<u>65.292.455.382</u>	<u>3.557.884.652</u>	<u>1.501.639.694</u>	<u>72.709.264.493</u>
Tại ngày 31/12/2008 (sau điều chỉnh)	<u>1.203.571.487</u>	<u>73.847.378.736</u>	<u>3.860.581.213</u>	<u>1.320.525.774</u>	<u>80.240.057.210</u>

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh khoản lợi thế kinh doanh với số tiền 44.166.378.643 đồng phát sinh khi cổ phần hóa Xí nghiệp Kinh doanh Khí Thấp áp. Khoản lợi thế kinh doanh này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong ba năm. Số dư chưa phân bổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 7.361.063.173 đồng (tại 31 tháng 12 năm 2008 là 22.083.189.349 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số 45, Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***10. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2009	31/12/2008
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng Công ty Khí Việt Nam	206.717.589.122	99.906.463.081
Khác	132.318.230	146.690.159
	206.849.907.352	100.053.153.240

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2009	31/12/2008 (Điều chỉnh lại)
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế GTGT phải trả	6.960.235.672	8.206.991.845
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	30.360.293.977
Thuế thu nhập cá nhân	166.873.583	22.405.796
	7.127.109.255	38.589.691.618

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2009	31/12/2008 (Điều chỉnh lại)
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền thuê Hệ thống phân phối khí thấp áp giai đoạn 2	-	22.907.367.475
Chi phí phải trả khác	542.416.016	305.603.842
	542.416.016	23.212.971.317

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty số 01/NQ-ĐHCD/09 ngày 19 tháng 5 năm 2009, Công ty sẽ thuê hệ thống phân phối khí thấp áp giai đoạn 2 trong thời gian từ ngày đưa công trình vào sử dụng đến thời điểm hoàn tất thủ tục mua bán từ Tổng Công ty Khí Việt Nam. Ngày 18 tháng 8 năm 2009, Tổng Công ty Khí Việt Nam và Công ty đã ký hợp đồng thuê Hệ thống phân phối khí thấp áp giai đoạn 2 từ khi công trình đi vào vận hành (ngày 14 tháng 8 năm 2008) đến thời điểm hoàn thành các thủ tục mua tài sản này, tiền thuê hàng tháng là 5.000.904.167 đồng. Công ty ghi nhận chi phí thuê tài sản cho giai đoạn từ ngày 14 tháng 8 năm 2008 (ngày bàn giao công trình đưa vào vận hành) đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 22.907.367.475 đồng.

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP NGÂN HẠN KHÁC

	31/12/2009	31/12/2008 (Điều chỉnh lại)
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Cổ tức phải trả	30.850.390.000	21.780.000.000
Phải trả, phải nộp khác	154.157.143	295.873.064
	31.004.547.143	22.075.873.064

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số 45, Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2009	31/12/2008
Số lượng cổ phần được phép phát hành	33.000.000	33.000.000
Số cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ	33.000.000	33.000.000
Mệnh giá cổ phần	<u>10.000 đồng</u>	<u>10.000 đồng</u>

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Thông tin chi tiết về vốn góp của các cổ đông sáng lập và cổ đông sở hữu trên 5% vốn của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số vốn thực góp tại 31/12/2009		Số vốn thực góp tại 31/12/2008	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Khí Việt Nam	59.400.000.000	18,0	59.400.000.000	18,0
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Nam	56.100.000.000	17,0	56.100.000.000	17,0
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	49.500.000.000	15,0	49.500.000.000	15,0
Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Bà Rịa - Vũng Tàu	7.440.000.000	2,2	7.440.000.000	2,2
Công ty Cổ phần Thương mại Kinh Thành	8.100.000.000	2,5	8.100.000.000	2,5
Công ty Cổ phần Đầu tư Phương Mai	6.600.000.000	2,0	6.600.000.000	2,0
Công ty TNHH Minh Thành	-	-	10.860.000.000	3,3
Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	10.860.000.000	3,3	-	0,0
Các cổ đông khác	132.000.000.000	40,0	132.000.000.000	40,0
	<u>330.000.000.000</u>	<u>100</u>	<u>330.000.000.000</u>	<u>100</u>

Thay đổi về vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn điều lệ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc nguồn vốn CSH VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 1/1/2008	330.000.000.000	6.397.526.548	3.198.763.274	1.279.505.310	18.883.286.235	359.759.081.367
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	237.624.790.520	237.624.790.520
Trích từ lợi nhuận	-	65.260.004.869	11.865.455.431	3.559.636.629	(87.804.370.187)	(7.119.273.258)
Hoàn nhập quỹ đã trích	-	(6.397.526.548)	-	(1.079.505.310)	7.477.031.858	-
Thủ lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký	-	-	-	-	(210.000.000)	(210.000.000)
Chi quỹ	-	-	-	(200.000.000)	-	(200.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(141.966.000.000)	(141.966.000.000)
Tại ngày 31/12/2008	330.000.000.000	65.260.004.869	15.864.218.705	3.559.636.629	34.004.738.426	447.888.598.629
Điều chỉnh hồi tố	-	-	-	-	(14.734.463.513)	(14.734.463.513)
Tại ngày 1/1/2009 (sau điều chỉnh)	330.000.000.000	65.260.004.869	15.064.218.705	3.559.636.629	19.270.274.913	433.154.135.116
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	197.796.383.844	197.796.383.844
Trích từ lợi nhuận	-	-	9.889.819.192	600.000.000	(16.484.328.057)	(5.994.508.865)
Chi quỹ	-	-	-	(350.000.000)	-	(350.000.000)
Hoàn nhập quỹ đã trích	-	(65.260.004.869)	(2.854.377.786)	(3.209.636.629)	74.199.940.884	2.875.921.600
Chia cổ tức	-	-	-	-	(117.117.000.000)	(117.117.000.000)
Tại ngày 31/12/2009	<u>330.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>22.099.660.111</u>	<u>600.000.000</u>	<u>157.665.271.584</u>	<u>510.364.931.695</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THÁP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số 45, Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÀU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

Trong năm, Công ty đã thực hiện hoàn nhập các quỹ đã trích theo phương án phân phối lợi nhuận cho năm tài chính 2008 được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 5 năm 2009 với số tiền là 74.199.940.884 đồng.

Trong năm, Công ty đã công bố và chi trả cổ tức đợt 3 năm 2008 cho các cổ đông theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông với số tiền là 51.117.000.000 đồng và tạm ứng cổ tức năm 2009 theo Quyết định của Hội đồng Quản trị với số tiền 66.000.000.000 đồng. Mức cổ tức chính thức của năm 2009 sẽ được xác định tại kỳ họp thường niên của Đại hội Đồng cổ đông.

Trong năm, Công ty tạm trích Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thưởng ban điều hành số tiền 16.484.328.057 đồng theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2009 được Đại hội Đồng cổ đông phê duyệt. Mức trích lập các quỹ chính thức sẽ được Đại hội Đồng cổ đông xác định tại kỳ họp thường niên năm 2010.

Ngày 14 tháng 10 năm 2009, Đại hội Đồng cổ đông bất thường của Công ty đã ra Nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ/09 thông qua phương án phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ của Công ty từ 330 tỷ đồng lên 429 tỷ đồng trong năm 2010 với số lượng phát hành thêm là 9,9 triệu cổ phần, trong đó, 8,25 triệu cổ phần dành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 4:1 và 1,65 triệu cổ phần dành cho người lao động theo danh sách được Hội đồng Quản trị phê duyệt.

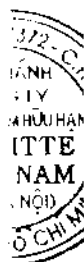
15. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính phản ánh khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần CNG Việt Nam với số tiền 324.082.340 đồng.

16. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆPThuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	239.794.344.053	300.649.419.659
Điều chỉnh:		
Chi phí thuế tài sản năm trước phát hành hóa đơn năm nay	(22.907.367.475)	-
Chi phí thuế tài sản chưa ký hợp đồng thuê	-	22.907.367.475
Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	174.000.000	-
Tiền phạt vi phạm đăng ký công ty đại chúng	20.000.000	-
Thu nhập chịu thuế	217.080.976.578	323.556.787.134
Thuế suất	25%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	54.270.244.145	90.595.900.396
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	16.281.073.244	8.828.018.436
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	37.989.170.901	81.767.881.960

Theo Thông tư 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 1 năm 2009 của Bộ Tài chính, Công ty thuộc diện được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2009 do đáp ứng điều kiện có số lao động nhỏ hơn 300 người. Số thuế được giảm được xác định bằng là 16.281.073.244 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số 45, Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	2009	2008
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tại ngày 1 tháng 1	4.008.789.308	-
Hạch toán vào lãi/ (lỗ) trong năm	4.008.789.308	(4.008.789.308)
Tại ngày 31 tháng 12	<u>~</u>	<u>4.008.789.308</u>

17. LÃI TRÊN CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được thực hiện trên các cơ sở số liệu sau:

	2009	2008
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	197.796.383.844	222.890.327.007
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	33.000.000	33.000.000
Lãi trên cơ bản trên cổ phiếu	<u>5.994</u>	<u>6.754</u>

18. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	2009	2008
	<u>VNĐ</u>	(Điều chỉnh lại) <u>VNĐ</u>
Mua hàng hóa		
Tổng Công ty Khí Việt Nam	<u>874.704.931.609</u>	<u>525.808.421.885</u>
Chi phí thuê tài sản		
Tổng Công ty Khí Việt Nam	<u>60.010.850.004</u>	<u>22.907.367.475</u>
Bán hàng hóa		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	<u>9.046.188.291</u>	<u>-</u>

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau

	2009	2008
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tiền lương và các khoản phụ cấp	<u>2.815.175.909</u>	<u>3.090.310.301</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số 45, Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

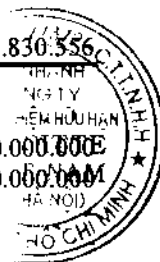
Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

Số dư với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

	31/12/2009	31/12/2008
	<u>VND</u>	(Điều chỉnh lại) <u>VND</u>
Phải thu tiền bán hàng		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	9.950.807.120	-
Phải trả tiền mua hàng và tiền thuế		
Tổng Công ty Khí Việt Nam	206.717.589.122	122.813.830.556
Phải trả phải nộp khác		
Tổng Công ty Khí Việt Nam	11.880.000.000	11.880.000.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	9.900.000.000	9.900.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại tổng hợp Bà Rịa - Vũng Tàu	1.488.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Kinh Thành	1.620.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phương Mai	1.320.000.000	-
Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn		
Thương Tín	2.172.000.000	-

**19. CÁC KHOẢN CAM KẾT****Cam kết thuê hoạt động**

Ngày 26 tháng 10 năm 2007, Công ty đã ký Hợp đồng số 01-PTL-VTLP với Công ty TNHH Petro Tower thuê văn phòng tại tòa nhà Petro Tower (Thành phố Vũng Tàu). Theo phụ lục hợp đồng ký ngày 14 tháng 8 năm 2009, số tiền thuê hàng tháng là 8.576 đô la Mỹ trong thời gian một năm.

Ngày 26 tháng 10 năm 2007, Công ty đã ký Hợp đồng số 548/HĐ07-LG4 với Công ty Cổ phần Y dược phẩm Vimedimex thuê văn phòng tại tòa nhà CitiLight Tower với thời hạn năm năm kể từ ngày 1 tháng 12 năm 2007 với số tiền thuê hàng tháng là 13.050 đô la Mỹ.

Ngày 18 tháng 8 năm 2009, Công ty đã ký Hợp đồng thuê tài sản số 120/2009/PV GAS-TC-PV GAS D/D4 với Tổng Công ty Khí Việt Nam để thuê Hệ thống khí thấp áp giai đoạn 2. Số tiền thuê hàng tháng là 5.000.904.167 đồng kể từ ngày 14 tháng 8 năm 2008.

Cam kết mua hàng

Theo Hợp đồng mua bán khí số 34/2009/PVGAS/KTTT-PVGAS D/B1 ngày 31 tháng 3 năm 2009 giữa Tổng Công ty khí Việt Nam và Công ty có thời hạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến 31 tháng 12 năm 2011, giá mua khí từ Tổng Công ty Khí Việt Nam năm 2009 là 3,9 đô la Mỹ/MMBTU (năm 2008 là từ 2,674315 đô la Mỹ đến 2,706302 đô la Mỹ/MMBTU). Giá khí mua khí các năm tiếp theo sẽ được thỏa thuận lại khi kết thúc năm tài chính.

20. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được Hội đồng Quản trị phê duyệt phát hành vào ngày 17 tháng 3 năm 2010.